

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 15-4-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Xuân
Ông Nguyễn Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Số X, ấp BH, xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

- Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1978.

- Ông Võ Hoàng H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ cư trú: Số Y, ấp BH, xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt; bà D và ông H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Ngọc T trình bày: Vào

ngày 14 tháng 3 năm 2021, bà Lê Thị Ngọc D có vay của bà Lê Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng, việc vay tiền có lập thành văn bản viết tay do chính bà D viết, có chữ ký của bà D, hai bên không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 10 ngày sau (tức là ngày 24 tháng 3 năm 2021). Khi xác lập giao dịch vay tiền, chỉ có mặt bà D, không có mặt chồng bà D là ông Võ Hoàng H. Đến hết thời hạn 10 ngày bà D không trả cho bà T số tiền vay nêu trên. Bà đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà D trả tiền nợ vay nhưng bà D không trả, còn có thái độ thách thức đối với bà. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D và ông Võ Hoàng H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 14 tháng 3 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2021 là 1.600.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính lãi với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) từ ngày 24 tháng 3 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2021.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D và ông Võ Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng bà D và ông H không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Xét thấy, theo giấy viết tay ngày 14 tháng 3 năm 2021 do nguyên đơn cung cấp có nội dung ngày 14 tháng 3 năm 2021 bà Lê Thị Ngọc D có vay của bà Lê Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng, giấy viết tay này do bà D tự viết. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà D đều vắng mặt và cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy nợ lập ngày 14 tháng 3 năm 2021 nên bà T yêu cầu trả số tiền nợ vay 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi, nhận thấy giấy viết tay ngày 14 tháng 3 năm 2021, không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả là 10 ngày tức là đến ngày 23 tháng 4 năm 2021. Như vậy, theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi được tính với mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 23 tháng 4 năm 2021. Bà T yêu cầu lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 14 tháng 3 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2021 là vượt quá quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T đã thay đổi yêu cầu tính lãi theo mức lãi

suất 10%/năm tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2021 là 07 tháng 15 ngày, yêu cầu này phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu chồng bà D là ông Võ Hoàng H cùng liên đới trả số nợ vay và tiền lãi, xét thấy: Giấy viết tay ngày 14 tháng 3 năm 2021 không có chữ ký của ông Võ Hoàng H, bà T cũng thừa nhận khi cho vay tiền chỉ có mặt bà D, không có mặt ông H, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H biết việc bà D vay tiền. Mặt khác, ông H và bà D đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể xác định được mục đích bà D vay tiền có dùng vào sinh hoạt trong gia đình, phát triển kinh tế gia đình như bà T trình bày hay không nên không có cơ sở buộc ông Võ Hoàng H cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay nêu trên.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T, buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 1.245.000 đồng, tổng cộng là 21.245.000 đồng. Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D và ông Võ Hoàng H có nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo giấy viết tay lập ngày 14 tháng 3 năm 2021. Theo xác minh của Công an xã Bình Trinh Đông thì bà Lê Thị Ngọc D và ông Võ Hoàng H hiện đang cư trú tại ấp BH, xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc T:

[4.1] Bà T khởi kiện yêu cầu bà D và ông H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T đã cung cấp chứng cứ là giấy nợ viết tay đề ngày 14 tháng 3 năm 2021, có chữ ký nhận và ghi rõ họ tên Lê Thị Ngọc D. Trong suốt quá trình tố tụng, bà D không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị Ngọc D có vay của bà Lê Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo giấy viết tay do bà T cung cấp không có chữ ký của ông Võ Hoàng H, bà T cũng thừa nhận khi xác lập giao dịch chỉ có mặt bà D, không có mặt ông H, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H biết việc bà D vay tiền. Mặt khác, ông H và bà D đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể xác định được mục đích bà D vay tiền có dùng vào sinh hoạt trong gia đình, phát triển kinh tế gia đình hay không nên không có cơ sở buộc ông Võ Hoàng H cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay nêu trên. Vì bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy nợ lập ngày 14 tháng 3 năm 2021 nên bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà T với lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 14 tháng 3 năm 2021 đến 10 tháng 11 năm 2021. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu về tiền lãi với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2021. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy viết tay đề ngày 14 tháng 3 năm 2021, các bên không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận về thời hạn trả nợ đến ngày 24 tháng 3 năm 2021. Bà T thay đổi yêu cầu tại phiên tòa nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bà D có nghĩa vụ trả số tiền lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, trên số nợ gốc 20.000.000 đồng, tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2021 đến 10 tháng 11 năm 2021 là 07 tháng 15 ngày, cụ thể: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 07 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 1.245.000 \text{ đồng}$. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T có cơ sở, được chấp nhận một phần, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc T tổng số tiền nợ vay và tiền lãi là 21.245.000 đồng.

[5] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung vụ án là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 1.062.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Lê Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lê Thị Ngọc D, ông Võ Hoàng H.

Buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc T số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 1.245.000 đồng, tổng cộng là 21.245.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 1.062.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Lê Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền 580.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007063 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung